

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----

Bản án số: 362/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thuỷ Tiên

2. Ông Đặng Như Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D; sinh năm 1998

HKTT: Số G ngõ I H, phường K quận T, thành phố Hà Nội;

Hiện ở: Phòng 1807, Chung cư P, phường P, quận T, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Đỗ Quang H; sinh năm 1994

HKTT và hiện ở: Số G ngõ I H, phường K quận T, thành phố Hà Nội.

Chị Lê Thị D và anh Đỗ Quang H đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Đỗ Quang H tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2021 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhà bố mẹ anh H tại số G ngõ I H, phường K quận T, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Bố mẹ hai

bên đã nhiều lần hoà giải cho hai vợ chồng nhưng tình trạng mâu thuẫn không cải thiện. Từ tháng 3/2024, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Phòng 1807, [Chung cư P, phường P, quận T, thành phố Hà Nội](#) sống và hai vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy mâu thuẫn giữa chị và anh [H](#) không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm với anh [H](#), đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [H](#) để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu [Đỗ Quang M](#) sinh ngày 09/3/2022 hiện cháu đang ở cùng chị. Chị đề nghị Toà án giao cháu [M](#) cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh [H](#) cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị có công việc ổn định tại [Công ty TNHH C+](#) với mức thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/ tháng, làm giờ hành chính, có đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác chị đang ở cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chị cũng hỗ trợ chị rất nhiều trong việc chăm sóc con cái.

Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Chị và anh [H](#) không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn – Anh [Đỗ Quang H](#) quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Xác nhận việc kết hôn giữa anh và chị [Lê Thị D](#) như chị [D](#) trình bày. Anh và chị [D](#) lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2021 tại [UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội](#).

Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mỗi lần xảy ra xung đột, chị [D](#) thường có lời nói không tôn trọng anh và gia đình anh. Hơn 3 năm nay, khi hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh, chị [D](#) không ăn cơm cùng gia đình anh. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Bố mẹ hai bên đã rất nhiều lần hoà giải cho hai vợ chồng nhưng tình trạng mâu thuẫn không cải thiện, vì vậy anh chọn giải pháp im lặng. Từ tháng 3/2024, chị [D](#) đã đưa con chung của anh chị về nhà bố mẹ đẻ tại Phòng 1807, [Chung cư P, phường P, quận T, thành phố Hà Nội](#) sống và hai vợ chồng ly thân từ đó. Anh cũng đã nhiều lần động viên, thuyết phục chị [D](#) quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị [D](#) nhất định không đồng ý. Nay chị [D](#) yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì việc ly hôn sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tâm lý của con chung của anh chị sau này. Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [D](#).

Về con chung: Anh [H](#) xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu [Đỗ Quang M](#) sinh ngày 09/3/2022. Hiện cháu đang ở với chị [D](#). Tại phiên tòa do anh không đồng ý yêu cầu ly hôn nên đề nghị Toà án không giải quyết vấn đề con chung, anh không muốn ảnh hưởng tới con sau này.

Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh [Đỗ Quang H](#) không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tại phiên tòa phát biểu: Quá trình Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa và tại phiên tòa, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành

triệu tập của Tòa án. Về nội dung: Mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã lâu, không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Đỗ Quang H; Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Quang M sinh ngày 09/3/2022. Giao cháu M cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cho đến khi có đương sự yêu cầu. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai ngăn cản. Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị D đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Đỗ Quang H. Anh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại: Số G ngõ I H, phường K quận T, thành phố Hà Nội, nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án không có đương sự khiếu nại về trình tự, thủ tục mà Tòa án thực hiện.

3. Về nội dung vụ án:

3.1 Về yêu cầu ly hôn: Chị Lê Thị D và anh Đỗ Quang H đăng ký kết hôn ngày 18/3/2021 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ tháng 3/2024, chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống và hai vợ chồng ly thân từ đó. Anh H cũng đã nhiều lần động viên, thuyết phục chị D để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D không đồng ý.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân phường K, quận T thể hiện: Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D: Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân.

Quá trình giải quyết, bố mẹ đẻ chị D là ông Lê Đăng L và bà Vũ Thị T có ý kiến: Chị Lê Thị D và anh Đỗ Quang H kết hôn có sự chứng kiến, tổ chức của gia đình hai bên. Quá trình chung sống do tuổi còn trẻ nên hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông bà và bố mẹ anh H đã nhiều lần khuyên giải hai con nhưng tình trạng mâu thuẫn của cả hai vẫn thường xuyên diễn ra. Từ tháng 3/2024, D đã đưa con trai về ở với ông bà. Việc các cháu yêu cầu giải quyết ly hôn, ông bà là bố mẹ cũng

đã khuyên giải nhưng không được, vì vậy ông bà tôn trọng quyết định của các con. Đối với con chung của chị D và anh H còn rất bé, trường hợp toà án giải quyết cho chị D và anh H ly hôn, ông bà đề nghị Toà án giao cháu cho chị D nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ chăm sóc cháu với chị D.

Ông Đỗ Quang H1 và bà Nguyễn Thị T1 là bố mẹ đẻ của anh Đỗ Quang H tại phiên toà có ý kiến: Ông bà đều xác nhận quá trình chung sống, chị D và anh H thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do vợ chồng tuổi còn trẻ, bất đồng quan điểm sống. Bố mẹ hai bên đã nhiều lần khuyên giải cho hai vợ chồng anh chị nhưng không được. Việc kết hôn anh chị tự nguyện, việc ly hôn cũng do anh chị tự quyết định. Ông bà chỉ đề nghị Toà án xem xét việc giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho cháu.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau. Chị D và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đã sống ly thân, không đạt được mục đích hôn nhân là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh H mong muốn đoàn tụ nhưng lại không có giải pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn. Chị D kiên quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị D, anh H đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Đỗ Quang H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Anh chị đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Quang M sinh ngày 09/3/2022. Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng có ý kiến: Trường hợp Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn, vì con còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên anh đề nghị Toà án giao cháu M cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên toà, anh không yêu cầu giải quyết việc giao con chung vì anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cháu Đỗ Quang M còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị D có công việc ổn định, làm giờ hành chính, đủ điều kiện chăm sóc cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai ngăn cản.

3.3 Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

3.4 Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3.5 Về quyền kháng cáo: Chị D và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị [Lê Thị D](#). Chị [Lê Thị D](#) được ly hôn anh [Đỗ Quang H](#).

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu [Đỗ Quang M](#) sinh ngày 09/3/2022. Giao cháu [Đỗ Quang M](#) cho chị [D](#) trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị [D](#) không yêu cầu anh [H](#) cấp dưỡng nuôi con.

Anh [H](#) được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Chị [Lê Thị D](#) phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai BLTU/23 số 0036189 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị [Lê Thị D](#) đã nộp đủ.

5. Chị [Lê Thị D](#) và anh [Đỗ Quang H](#) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA quận Thanh Xuân;
- UBND phường Khương Trung, quận Thanh Xuân (Giấy CNKH số 44 ngày 18.3.2021);
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương